

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/KDTM- ST
Ngày: 15- 10- 2019
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng;
2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 22/2019/TLST- KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST- KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1997; trú tại: Tầng 1, tòa nhà ACM, số 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2019).

- Bị đơn: Công ty Th; địa chỉ: Số 1/771B, khu phố H, phường Th, thị xã Th, tỉnh B do ông Nguyễn Trung T đại diện theo pháp luật;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1989; trú tại: Số 1/771B, khu phố H, phường Th, thị xã Th, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/6/2017, Công ty Th (gọi tắt là công ty Th) do ông Nguyễn Trung T làm giám đốc đại diện ký hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0129/HDHM với Ngân hàng V (gọi tắt là Ngân hàng Th) – chi nhánh Sài Gòn – Phòng giao dịch Tân Bình. Theo nội dung hợp đồng, hạn mức cho vay là 450.000.000đ với mục đích bổ sung vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh vận tải, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, lãi suất cho vay cố định trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 3 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần. Công ty Th đã được giải ngân số tiền vay làm 2 lần. Lần thứ nhất vào ngày 30/6/2017 theo khế ước nhận nợ lần 1/số DSA/Q11/17/0129/HDHM- 01 với số tiền 165.712.932đ, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 26,80%/năm, số tiền nợ gốc và lãi bên vay phải trả vào ngày 25 hàng tháng; thời hạn trả nợ là 12 kỳ, mỗi kỳ trả 14.000.000đ, kỳ cuối trả 11.712.932đ, kỳ đầu trả vào ngày 25/7/2017. Lần thứ 2 vào ngày 14/7/2017, theo khế ước nhận nợ lần 2/số DSA/Q11/17/0129/HDHM-02 với số tiền nhận nợ là 283.180.701đ, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 26,80%/năm, số tiền nợ gốc bên vay phải trả vào ngày 10 hàng tháng, trả trong 12 kỳ, kỳ đầu trả vào ngày 10/8/2017, mỗi kỳ trả 23.600.000đ, kỳ cuối trả 23.580.701đ.

Đồng thời, ngày 30/6/2017 ông Nguyễn Trung T ký hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0129/HDBL với Ngân hàng V với nội dung đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Th trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0129/HDHM ngày 30/6/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa bên được bảo lãnh và bên Ngân hàng.

Công ty Th đã trả được 94.400.000đ tiền gốc và 23.701.590đ tiền lãi. Số tiền gốc công ty Th còn nợ Ngân hàng V là 282.793.878đ. Do công ty Th đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu công ty Th phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V số nợ chưa trả tính đến ngày 15/10/2019 là 516.820.010 đ, trong đó nợ gốc là 282.793.878đ, tiền lãi là 234.026.132đ (lãi trong hạn là 211.908.495đ, lãi quá hạn là 22.117.637đ). Đồng thời buộc công ty Th phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V. Trường hợp công ty Th không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì buộc ông Nguyễn Trung T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0129/HDHM; khế ước nhận nợ lần 1/số DSA/Q11/17/0129/HDHM- 01; khế ước nhận nợ lần 2/số DSA/Q11/17/0129/HDHM- 02; hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0129/HDBL.

Bị đơn Công ty Th do ông Nguyễn Trung T đại diện theo pháp luật và ông Nguyễn Trung T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 175, 179, 198, 208 và 220 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Tính không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn công ty Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay không có lý do, do đó Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng V khởi kiện Công ty Th trả nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0129/HDHM, do đó quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và biên bản xác minh ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thể hiện bị đơn công ty Th có địa chỉ ở khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a

Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 479.471.038đ, trong đó nợ gốc là 282.793.878đ, tiền lãi là 196.677.160đ (lãi trong hạn là 180.331.449đ, lãi quá hạn là 16.345.711đ) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0129/HDHM ngày 30/6/2017 và khế ước nhận nợ lần 1/số DSA/Q11/17/0129/HDHM- 01 ngày 30/6/2017; khế ước nhận nợ lần 2/số DSA/Q11/17/0129/HDHM- 02 ngày 14/7/2017.

Xét thấy, nguyên đơn đã giao cho bị đơn đủ số tiền theo 02 khế ước nhận nợ ngày 30/6/2017 và ngày 14/7/2017. Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức, hợp đồng bảo lãnh và các khế ước nhận nợ đều được người có thẩm quyền của các bên ký. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Quá trình tố tụng, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có ý kiến, xem như từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo nội dung hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận vay dưới hình thức trả góp theo kỳ. Đối với số tiền theo khế ước nhận nợ ngày 30/6/2017, công ty Thành Tín đã trả đến ngày 30/3/2018 với số tiền nợ gốc là 71.699.755đ và 18.639.610đ tiền lãi, do đó nợ gốc còn phải trả là 94.013.177đ. Đối với khế ước nhận nợ ngày 14/7/2017, công ty Thành Tín đã trả đến ngày 30/11/2017 với số tiền nợ gốc là 94.400.000đ và 23.701.590đ tiền lãi, số nợ gốc còn phải trả là 188.780.701đ. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc công ty Th chưa trả Ngân hàng là 282.793.878đ. Do bị đơn công ty Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ chưa trả là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Đối với khế ước nhận nợ ngày 30/6/2017, hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 26,80%/năm, cố định 3 tháng đầu, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả = số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 ngày. Như vậy, số tiền nợ gốc công ty Th còn phải trả là 94.013.177đ, tính đến ngày 15/10/2019 tiền lãi trong hạn phải trả là 67.967.338đ và tiền lãi chậm trả là 6.718.443đ.

Đối với khế ước nhận nợ ngày 14/7/2017, hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 26,80%/năm, cố định 3 tháng đầu, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả = số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 ngày. Như vậy, số tiền nợ gốc công ty Th còn phải trả là 188.780.701đ, tính đến ngày

15/10/2019 tiền lãi trong hạn phải trả là 143.941.157đ và tiền lãi chậm trả là 15.399.194đ.

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/10/2019 công ty Th còn phải trả cho ngân hàng là 516.820.010 đ, trong đó nợ gốc là 282.793.878đ, tiền lãi là 234.026.132đ (lãi trong hạn là 211.908.495đ, lãi quá hạn là 22.117.637đ).

[2.3] Đối với hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0129/HDBL ngày 30/6/2017, ông Nguyễn Trung T đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là công ty Th trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0129/HDHM ngày 30/6/2017 khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp Điều 361, 363, 369 Bộ luật dân sự 2005 (nay là các Điều 335, 336 và 342 của Bộ luật dân sự 2015). Do đó, khi bị đơn công ty Th không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu ông Nguyễn Trung T phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V buộc bị đơn công ty Th phải trả cho nguyên đơn số tiền như sau:

Tiền nợ gốc: 282.793.878đ, tiền lãi là 234.026.132đ tính đến ngày 15/10/2019.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 16/10/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0129/HDHM ngày 30/6/2017; khế ước nhận nợ lần 1/số DSA/Q11/17/0129/HDHM- 01 ngày 30/6/2017; khế ước nhận nợ lần 2/số DSA/Q11/17/0129/HDHM- 02 ngày 14/7/2017 ký kết giữa hai bên cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu ông Nguyễn Trung T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0129/HDBL ngày 30/6/2017.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 361, 363, 369 của Bộ luật dân sự 2005 (nay là các Điều 335, 336 và 342 của Bộ luật dân sự 2015);

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn công ty Th.

Buộc Công ty Th phải có trách nhiệm thanh toán một lần cho Ngân hàng V số tiền 516.820.010đ (trong đó nợ gốc là 282.793.878đ, tiền lãi là 234.026.132đ).

Công ty Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V tiền lãi suất phát sinh từ ngày 16/10/2019 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bị đơn Công ty Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu ông Nguyễn Trung T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0129/HDBL ngày 30/6/2017.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Th phải chịu 24.672.800đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng V 10.548.939 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035451 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Thư